NỘI DUNG ÔN TẬP TOÁN 6 - TUẦN 14

DÀNH CHO HỌC SINH GIỎI

**ĐÁP ÁN:**

**Bài 1:** Một cửa hàng bán xe đạp ghi lại số xe bán được trong hàng tháng bằng bảng số liệu sau:

Số xe bán được trong tháng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Màu xe đạp | Xanh dương | Xanh lá cây | Đỏ | Vàng | Trắng bạc |
| Số xe bán được | 25 | 10 | 15 | 5 | 35 |

1. Sử dụng các biểu tượng sau để vẽ biểu đồ tranh thể hiện bảng thống kê trên:

( = 10 xe; = 5 xe)

1. Trong cả tháng cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe đạp.
2. Màu xe đạp nào được khách hàng mua nhiều nhất trong tháng.
3. Số xe đạp màu đỏ và màu xanh dương đã bán trong tháng hơn hoặc kém nhau bao nhiêu chiếc.

**Giải**

1. Biểu đồ tranh.

|  |  |
| --- | --- |
| Màu xe đạp | Số xe bán được |
| Xanh dương |  |
| Xanh lá cây |  |
| Đỏ |  |
| Vàng |  |
| Trắng bạc |  |

1. Số chiếc xe đạp trong cả tháng cửa hàng bán được là: 25 + 10 + 15 +5 + 35 = 90 chiếc.
2. Xe màu xanh được khách hàng mua nhiều nhất trong tháng.
3. Số chiếc xe đạp màu xanh dương bán hơn xe màu đỏ là: 25 – 15 = 10 chiếc.

**Bài 2**: Cho biểu đồ tranh số học sinh nam các lớp khối lớp 6

|  |  |
| --- | --- |
| Lớp | Số học sinh nam |
| 6A1 |  |
| 6A2 |  |
| 6A3 |  |
| 6A4 |  |
| 6A5 |  |

 = 10 học sinh; = 5 học sinh

1. Tìm số học sinh nam của lớp 6A2, 6A3, 6A4.
2. Tính số học sinh nam của khối lớp 6.
3. Lập bảng thống kê

**Giải:**

1. Số học sinh nam của lớp 6A2 là: 2 . 10 + 5 = 25 học sinh.

Số học sinh nam của lớp 6A3 là: 10 . 2 = 20 học sinh.

Số học sinhnnam của lớp 6A4 là: 10 . 3 + 5 = 35 học sinh.

1. Số học sinh nam cả khối 6 là: 9 . 10 + 4 . 5 = 110 học sinh.
2. Bảng thống kê.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp  | 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 |
| Số học sinh nam | 15 | 25 | 20 | 35 | 15 |